TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MC** **TỈNH ĐIỆNBIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17/6/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MC, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tòng Văn Thanh.**
2. Ông **Nguyễn Khắc Thiện.**

Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện MC tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2025/HNGĐ-ST ngày 17/02/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐHPT-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Bản M A 1, xã P H, huyện MC, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- Bị đơn: Anh Điêu Văn Q - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản M A 1, xã P H, huyện MC, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A Chía – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/01/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

*** Về hôn nhân**: Chị và anh Điêu Văn Q là người cùng bản, sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, anh chị báo cáo hai bên gia đình, sau đó anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, về chung sống với nhau từ năm 2011, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Việc anh chị về chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Anh chị về chung sống với nhau hạnh phúc, cho đến khoảng năm 2015 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q

chơi bời thường xuyên uống rượu chè rồi lao vào con đường sử dụng chất ma túy. Anh Q đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không rút kinh nghiệm mà ngày càng sử dụng ma túy nhiều hơn, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, do không thể chịu đựng được đến khoảng tháng 01/2022 chị đã bỏ ra ở riêng, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, hiện anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Điêu Văn Q.

*** Về con chung**: Anh chị có 02 con chung, cháu Điêu Văn Hiếu, sinh ngày 05/11/2013, cháu Điêu Thị Thanh Thảo, sinh ngày 23/9/2020. Khi ly hôn, chị có nguyên vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Điêu Thị Thanh Thảo và cháu Điêu Văn Hiếu, cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

*** Về tài sản**: Anh chị chỉ có một số tài sản sử dụng trong việc sinh hoạt hàng ngày, những tài sản này không có trị lớn, về tài sản chung này anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về nợ chung**: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Điêu Văn Hiếu trường hợp bố mẹ ly hôn với nhau cháu có nguyện vọng muốn ở cùng với mẹ.

Ngày 27/02/2025 Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của chị T và anh Q, qua xác minh cho thấy, trong cuộc sống do anh chị không còn tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện anh chị sống ly thân với nhau dẫn đến chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Chị T và anh Q đều đảm bảo sức khỏe, lao động sản xuất và đủ lương thực, thực phẩm trong việc sinh hoạt hàng ngày, đều có đủ điều kiện nuôi con ngang nhau.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đến tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Q nhưng không gặp được anh Q. Tòa án đã tiến hành xác minh tại bản M A 1, xã P H thì thấy: Anh Q do không có việc làm ổn định nên thường đi làm thuê thỉnh thoảng mới về nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh Q, nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Anh Điêu Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lý A Chía trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn.**

- Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Điêu Văn Q về chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn với nhau. Trong cuộc sống giữa vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng không còn tôn trọng nhau, hiện anh chị sống ly thân với nhau, anh chị không còn quan tâm đến nhau, đó thể hiện việc anh chị không

còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại. Vậy đề nghị áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình và thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Điêu Văn Q.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Điêu Văn Hiếu, sinh ngày 05/11/2013, cháu Điêu Thị Thanh Thảo, sinh ngày 23/9/2020. Do anh Q không thường xuyên ở nhà, vậy để đảm bảo sự chăm sóc của cha mẹ, đề nghị giao các cháu Điêu Thị Thanh Thảo và cháu Điêu Văn Hiếu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng với chị T.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản giá trị lớn, về phần tài sản chung anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị miễn toàn bộ án phí DSST cho chị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp Luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không hợp tác, không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; Điều 207; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8; khoản 1 Điều 9; các Điều 51; 53; 56; 57; Điều 58; các Điều 69; 70; 71 các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Điêu Văn Q. Xét nguyện vọng của chị T và cháu Hiếu, quá trình xác minh của Tòa án về người trực tiếp nuôi con, anh Q hay đi làm thuê thường xuyên vắng nhà, để chăm sóc giáo dục cho cháu các tốt cần giao các cháu Thảo, Hiếu cho chị T trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị T. Về tài sản và nợ: đề nghị không xem xét giải quyết.

*** Về án phí**: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì chị Lò Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Lò Thị T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, chị T xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình bị đơn trú tại bản M A 1, xã P H, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do anh Q không thường xuyên ở nhà nên Tòa án không tống đạt trực tiếp được các thông báo và quyết định của Tòa án cho anh Q, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đó đảm bảo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết Tòa án thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh Q, nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do và anh Q cũng không giao văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Điêu Văn Q được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị Lò Thị T có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Q theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Lò Thị T và anh Điêu Văn Q về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011**,** chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay chị Lò Thị T có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và Điêu Văn Q.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Điêu Văn Hiếu, sinh ngày 05/11/2013, cháu Điêu Thị Thanh Thảo, sinh ngày 23/9/2020.

Xét nguyện vọng của chị T, nguyện vọng của cháu Hiếu. Quá trình xác minh của Tòa án về người trực tiếp nuôi con phù hợp với nguyện vọng của chị T và cháu Hiếu. Anh Q thường xuyên đi làm thuê không có thời gian chăm sóc con. Áp dụng các Điều 58; khoản 3 Điều 70; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao các cháu Điêu Văn Hiếu, sinh ngày 05/11/2013, cháu Điêu Thị Thanh Thảo, sinh ngày 23/9/2020 cho chị T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có tài sản giá trị lớn, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau và anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa và những đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì chị Lò Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Lò Thị T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, chị T xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51; khoản 2 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Điêu Văn Q.

2. Về con chung: Giao các cháu Điêu Văn Hiếu, sinh ngày 05/11/2013, Điêu Thị Thanh Thảo, sinh ngày 23/9/2020 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Anh Điêu Văn Q được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho chị Lò Thị T.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Lò Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17/6/2025. Bị đơn anh Điêu Văn Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Người BVQ,LIHP của đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh